

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN PHỤ GIA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 106/CBTT- PGDM Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020
V/v: CBTT Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét năm 2020

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (APP)
2. Mã chứng khoán : APP
3. Địa chỉ trụ sở chính: KCN tập trung vừa và nhỏ Phú thị - Gia Lâm – Hà Nội.
4. Điện thoại 024 36785060 fax: 024 36784978
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duy Kiên
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét năm 2020
 - Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa BCTC bán niên đã soát xét và BCTC tự lập
7. Địa chỉ Website www.app.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



Nguyễn Duy Kiên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỠ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-38
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-38

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103003456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 11 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch
Ông Hoàng Trung Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
Ông Hoàng Bình Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Vũ	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Trung Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Bình Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/6/2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Bạch Liên	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Quốc Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Hoàng Trung Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Số: 94/2020/ASCO/BCKT-NV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỡ (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Nguyễn Ngọc Tuyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1629-2018-149-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		61.150.333.095	71.721.458.259
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.455.246.185	3.982.340.745
111	1. Tiền		1.755.246.185	3.982.340.745
112	2. Các khoản tương đương tiền		700.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.000.000.000	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.311.037.369	32.220.167.909
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	31.795.233.659	31.698.970.144
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.088.311.200	1.443.673.838
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.676.385.735	1.342.479.641
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	8	(2.264.955.714)	(2.264.955.714)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		16.062.489	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	20.891.893.274	28.925.257.541
141	1. Hàng tồn kho		21.584.672.539	29.640.678.290
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(692.779.265)	(715.420.749)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.492.156.267	1.593.692.064
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	291.570.548	207.937.339
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		985.519.764	1.249.860.418
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	215.065.955	135.894.307
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.176.303.404	31.391.963.757
220	II. Tài sản cố định		13.364.439.203	13.535.730.821
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.364.439.203	13.535.730.821
222	- Nguyên giá		51.992.176.825	50.659.813.189
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(38.627.737.622)	(37.124.082.368)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		2.910.231.420	2.910.231.420
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.910.231.420)	(2.910.231.420)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		430.780.835	430.780.835
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		430.780.835	430.780.835
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	14.910.990.973	14.910.990.973
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	1.200.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15.111.141.583	13.911.141.583
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		200.000.000	200.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(400.150.610)	(400.150.610)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.470.092.393	2.514.461.128
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.470.092.393	2.514.461.128
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		92.326.636.499	103.113.422.016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		44.682.188.740	54.902.691.864
310	I. Nợ ngắn hạn		44.682.188.740	54.902.691.864
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.895.804.391	3.130.688.716
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		158.010.125	427.671.618
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	427.225.790	885.618.971
314	4. Phải trả người lao động		198.982.886	488.734.423
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	101.266.511	116.319.881
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.849.202.219	1.130.168.768
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	38.816.331.071	48.442.323.740
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		235.365.747	281.165.747
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		47.644.447.759	48.210.730.152
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	47.008.088.721	47.557.736.114
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		47.246.320.000	47.246.320.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		47.246.320.000	47.246.320.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(20.000.000)	(20.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		78.624.445	78.624.445
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(296.855.724)	252.791.669
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		252.791.669	229.855.372
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(549.647.393)	22.936.297
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		636.359.038	652.994.038
431	1. Nguồn kinh phí		(28.263.460)	(11.628.460)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		664.622.498	664.622.498
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		92.326.636.499	103.113.422.016

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đỗ Hồng Hạnh



Chu Xuân Thắng



Hoàng Trung Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	99.599.103.762	127.050.461.961
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	227.201.182	1.102.766.978
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		99.371.902.580	125.947.694.983
11	4. Giá vốn hàng bán	22	88.929.392.997	113.320.462.086
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.442.509.583	12.627.232.897
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	154.571.386	90.689.074
22	7. Chi phí tài chính	24	1.608.694.295	1.509.877.302
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.594.936.650	1.075.458.852
25	8. Chi phí bán hàng	25	4.766.605.063	4.926.038.127
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.763.492.356	6.932.189.689
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(541.710.745)	(650.183.147)
31	11. Thu nhập khác		2.470.341	302.496.962
32	12. Chi phí khác		10.406.989	42.960
40	13. Lợi nhuận khác		(7.936.648)	302.454.002
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(549.647.393)	(347.729.145)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(549.647.393)	(347.729.145)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	(116)	(75)

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Hồng Hạnh

Chu Xuân Thắng



Hoàng Trung Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(549.647.393)	(347.729.145)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.503.655.254	1.375.293.187
03	- Các khoản dự phòng		(22.641.484)	445.828.161
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		307.141	8.293.984
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(154.571.386)	(363.620.651)
06	- Chi phí lãi vay		1.594.936.650	1.075.458.852
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.372.038.782	2.193.524.388
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(799.840.180)	(24.760.726.478)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.056.005.751	(2.805.208.798)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(295.316.847)	1.619.626.556
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(39.264.474)	219.338.315
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.547.490.020)	(1.075.458.852)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(406.497.712)	(192.214.928)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(62.435.000)	(100.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.277.200.300	(24.901.119.797)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.332.363.636)	(3.667.739.092)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	275.454.546
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.780.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		154.571.386	31.015.420
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		822.207.750	(11.141.269.126)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		56.898.357.531	111.181.350.278
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(66.524.350.200)	(74.661.029.237)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(202.800)	(19.683.615)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.626.195.469)	36.500.637.426
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.526.787.419)	458.248.503
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.982.340.745	1.807.954.892

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ
SẢN PHẨM DẦU MỠ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(307.141)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>2.455.246.185</u>	<u>2.266.203.395</u>

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Người lập

Đỗ Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Chu Xuân Thắng

Tổng Giám đốc



Hoàng Trung Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103003456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 11 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 47.246.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 47.246.320.000 đồng; tương đương 4.724.632 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại hóa chất.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê kho bãi chứa dung môi, dầu gốc;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và các công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ khoa học và Công nghệ trong dịch vụ hóa dầu; dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn môi trường;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các nhiên liệu có liên quan. Chi tiết: kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực, các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng; Kinh doanh xăng dầu;
- Sản xuất các sản phẩm khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực, các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: dịch vụ vận tải hàng hóa

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Đại dịch Covid-19 có gây ảnh hưởng khá lớn đến kết quả kinh doanh. Thực hiện chương trình giãn cách xã hội làm cho nhu cầu đi lại, nhu cầu xăng dầu và các loại dầu mỡ nhờn phục vụ máy móc công nghiệp giảm sút. Bên cạnh đó, giá xăng dầu cũng giảm mạnh làm cho doanh thu bán các loại xăng dầu bị suy giảm so với cùng kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỠ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	506/11/19 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 4, phường Hiệp Thành, quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh chế phẩm từ xăng dầu
Chi nhánh tại Thái Nguyên	Thôn 2, xã Phú Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Kinh doanh bán lẻ xăng dầu
Chi nhánh Phú Thọ	Khu Minh Đức, xã Minh Hòa, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bán lẻ xăng dầu

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được hoặc theo đánh giá tình trạng sử dụng HTK của đơn vị.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	205.025.096	378.224.631
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.550.221.089	3.604.116.114
Các khoản tương đương tiền (i)	700.000.000	-
	<u>2.455.246.185</u>	<u>3.982.340.745</u>

(i) Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng có giá trị 700.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô với lãi suất 4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	3.000.000.000	-	5.000.000.000	-

(*) Tại ngày 30/06/2020, khoản tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng có giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đô với lãi suất 5,4%/năm. Hợp đồng tiền gửi này đang được thể chấp theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 03/2019/40407/HĐBĐ để bảo lãnh cho hợp đồng tín dụng số 01/2019/40407/HĐTD ngày 01/8/2019.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
- Công ty TNHH Bắc Hương Văn Hồ (ii)	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	15.111.141.583	400.150.610	400.150.610	400.150.610
- Công ty CP APP 1 Thanh Hóa	4.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Bắc Hương (ii)	11.111.141.583	400.150.610	400.150.610	400.150.610
Đầu tư vào đơn vị khác	200.000.000	-	-	-
- Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Đô Lương	200.000.000	-	-	-
	15.311.141.583	-	400.150.610	15.311.141.583
				400.150.610

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỠ**Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ghi chú

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(ii) Trong năm Công ty thu hồi 100% vốn góp đầu tư tại Công ty con và Bổ sung vốn vào phần vốn góp thiếu tại Công ty liên doanh liên kết.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP APP 1 Thanh Hóa	Phố Thiệu, xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	40,0%	40,0%	Kinh doanh Xăng dầu
- Công ty TNHH Bắc Hương (ii)	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	40,0%	40,0%	Kinh doanh Xăng dầu thương mại, Xây dựng và Nhà hàng
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Đô Lương	Khối 2, Thị trấn Đô Lương, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	5,24%	5,24%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Công nghiệp Hóa chất Mô Tây Nguyên	3.962.576.616	-	1.760.800.001	-
Phải thu khách hàng khác	27.832.657.043	2.170.755.714	29.938.170.143	2.170.755.714
	31.795.233.659	2.170.755.714	31.698.970.144	2.170.755.714
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	1.967.839.110	-	1.583.329.051	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng Miền Nam - TCT Xây dựng Lũng Lô	480.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Tân An	160.000.000	-	160.000.000	-
Công ty CP Thương mại nhiên liệu Cửu Long	160.000.000	-	970.760.000	-
Đối tượng khác	288.311.200	94.200.000	312.913.838	94.200.000
	1.088.311.200	94.200.000	1.443.673.838	94.200.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỖ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.500.000	-	55.000.000	-
Phải thu thuế TNCN	195.566.356	-	199.132.356	-
Tạm ứng	2.262.043.082	-	880.062.979	-
Ký cược, ký quỹ	108.213.480	-	54.624.000	-
Phải thu khác	68.062.817	-	153.660.306	-
	2.676.385.735	-	1.342.479.641	-

8 . NỢ XẤU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Dầu khí Thiên Nga	583.982.386	-	583.982.386	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bình Phương	246.759.810	-	246.759.810	-
- Các khoản khác	1.904.878.490	470.664.972	1.904.878.490	470.664.972
	2.735.620.686	470.664.972	2.735.620.686	470.664.972

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.901.386.991	-	17.748.361.718	-
Công cụ, dụng cụ	194.562.367	-	220.663.329	-
Thành phẩm	8.666.348.357	692.779.265	10.224.757.629	715.420.749
Hàng hoá	1.822.374.824	-	1.446.895.614	-
	21.584.672.539	692.779.265	29.640.678.290	715.420.749

Trong đó:

- Các lý do dẫn đến phải hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty sử dụng một phần HTK đã trích lập DP để sản xuất trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thứ, xã Phú Thứ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	10.461.594.073	27.718.537.354	12.089.253.708	390.428.054	50.659.813.189
- Mua trong kỳ	-	196.000.000	1.136.363.636	-	1.332.363.636
- Phân loại lại	-	(4.409.899.232)	-	4.409.899.232	-
Số dư cuối kỳ	10.461.594.073	23.504.638.122	13.225.617.344	4.800.327.286	51.992.176.825
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.950.800.088	21.195.278.163	5.609.187.666	368.816.451	37.124.082.368
- Khấu hao trong kỳ	39.291.846	642.697.934	765.959.520	55.705.954	1.503.655.254
- Phân loại lại	-	(4.349.743.792)	-	4.349.743.792	-
Số dư cuối kỳ	9.990.091.934	17.488.232.305	6.375.147.186	4.774.266.197	38.627.737.622
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	510.793.985	6.523.259.191	6.480.066.042	21.611.603	13.535.730.821
Tại ngày cuối kỳ	471.502.139	6.016.405.817	6.850.470.158	26.061.089	13.364.439.203

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.463.375.797 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.598.949.754 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền công nghệ sản xuất	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	2.910.231.420	2.910.231.420
Số dư cuối kỳ	2.910.231.420	2.910.231.420
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	2.910.231.420	2.910.231.420
Số dư cuối kỳ	2.910.231.420	2.910.231.420
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm cháy nổ	26.864.431	107.457.739
Công cụ dụng cụ xuất dùng	264.706.117	100.479.600
	291.570.548	207.937.339
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất	1.225.182.046	1.244.031.004
Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu	600.000.000	630.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	644.910.347	640.430.124
	2.470.092.393	2.514.461.128

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Tân Quang Minh	1.178.440.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Nam Hải	593.729.235	-	435.602.541	-
HANWA (KOREA) CO., LTD	-	-	1.206.752.040	-
Phải trả các đối tượng khác	1.123.635.156	-	1.488.334.135	-
	2.895.804.391	-	3.130.688.716	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thứ, xã Phú Thứ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	47.957.597		455.913.183		1.331.692.434		1.388.082.466		47.957.597		399.523.151	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		300.637.438		-		406.497.712		105.860.274		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		13.429.001		29.946.211		104.623.296		61.248.084		-	
Thuế bảo vệ môi trường	87.936.710		115.639.349		-		-		-		27.702.639	
Các loại thuế khác	-		-		12.273.500		12.273.500		-		-	
	135.894.307		885.618.971		1.373.912.145		1.911.476.974		215.065.955		427.225.790	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	101.266.511	53.819.881
- Chi phí phải trả khác	-	62.500.000
	<u>101.266.511</u>	<u>116.319.881</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	22.012.752	22.012.752
- Kinh phí công đoàn	44.107.373	50.329.411
- Bảo hiểm y tế	74.118.265	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	41.340.024	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	330.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	467.403.805	467.606.605
- Nguyễn Trường Sơn (i)	579.000.000	579.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	291.220.000	11.220.000
	<u>1.849.202.219</u>	<u>1.130.168.768</u>
b) Phải trả khác là các bên liên quan	<u>579.000.000</u>	<u>579.000.000</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

(i) Khoản tiền ông Nguyễn Trường Sơn nộp tiền để bảo lãnh cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Tiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (i)	41.297.747.568	41.297.747.568	53.416.161.216	60.636.616.775	34.077.292.009	34.077.292.009
- Vay ngắn hạn cá nhân (ii)						
Hoàng Trung Dũng	7.144.576.172	7.144.576.172	3.482.196.315	5.887.733.425	4.739.039.062	4.739.039.062
Nguyễn Trường Sơn	4.068.516.527	4.068.516.527	3.034.971.390	5.284.549.050	1.818.938.867	1.818.938.867
Lưu Thị Thủy Huyền	2.104.704.403	2.104.704.403	-	-	2.104.704.403	2.104.704.403
Bùi Thị Đông	371.835.440	371.835.440	133.164.560	189.764.000	315.236.000	315.236.000
Đình Đăng Hải	201.099.427	201.099.427	173.000.000	70.000.000	304.099.427	304.099.427
Trần Hoài Nam	125.000.000	125.000.000	125.000.000	125.000.000	-	-
Tạ Thị Điện	125.000.000	125.000.000	40.000.000	170.000.000	165.000.000	165.000.000
Đinh Đăng Hà	100.000.000	100.000.000	70.000.000	48.420.375	-	-
Đỗ Hồng Ngọc Trâm	48.420.375	48.420.375	-	-	-	-
Nguyễn Khánh Vi	-	-	26.000.000	-	26.000.000	26.000.000
	-	-	5.060.365	-	5.060.365	5.060.365
	48.442.323.740	48.442.323.740	56.898.357.531	66.524.350.200	38.816.331.071	38.816.331.071

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/40407/HĐTD ngày 01/08/2019 với điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 75 tỷ đồng (bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh thanh toán, mở L/C);
 - + Mục đích vay: Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu;
 - + Thời hạn của hợp đồng hạn mức: từ 01/8/2019 đến hết 31/7/2020; thời hạn vay tối đa không vượt quá 4 tháng đối với lĩnh vực ckinh doanh xăng dầu và không quá 9 tháng đối với lĩnh vực còn lại
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được quy định trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 34.077.292.009 VND
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các tài sản cố định, tiền gửi kỳ hạn theo các hợp đồng thế chấp.
- (ii) Hợp đồng vay cá nhân với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: dưới 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 7,5% - 8%;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.739.039.062 VND
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	46.321.170.000	(20.000.000)	78.624.445	1.255.005.372	47.634.799.817
Tăng vốn trong kỳ trước	925.150.000	-	-	-	925.150.000
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	22.936.297	22.936.297
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(925.150.000)	(925.150.000)
Số dư cuối kỳ trước	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	252.791.669	47.557.736.114
Số dư đầu kỳ này	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	252.791.669	47.557.736.114
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	(549.647.393)	(549.647.393)
Số dư cuối kỳ này	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	(296.855.724)	47.008.088.721

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Hoàng Trung Dũng	11.398.280.000	24,13%	11.398.280.000	24,13%
Nguyễn Hà Trung	7.850.650.000	16,62%	7.850.650.000	16,62%
Vũ Thị Phương Thảo	3.230.820.000	6,84%	3.230.820.000	6,84%
Các cổ đông khác	24.766.570.000	52,42%	24.766.570.000	52,42%
	47.246.320.000	100%	47.246.320.000	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.246.320.000	47.246.320.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	47.246.320.000	46.321.170.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	925.150.000
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>47.246.320.000</u>	<u>47.246.320.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	467.606.605	487.290.220
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	-	925.150.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	925.150.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(202.800)	(19.683.615)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(202.800)	(19.683.615)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu</i>	-	(925.150.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(925.150.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>467.403.805</u>	<u>467.606.605</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.724.632	4.724.632
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.724.632	4.724.632
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.724.632	4.724.632
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.724.632	4.724.632
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.724.632	4.724.632
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	78.624.445	78.624.445
	<u>78.624.445</u>	<u>78.624.445</u>

25 . NGUỒN KINH PHÍ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	(11.628.460)	66.371.540
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	78.000.000	-
Chi sự nghiệp	(94.635.000)	(78.000.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	<u>(28.263.460)</u>	<u>(11.628.460)</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	76.010.576.789	93.995.849.837
Doanh thu bán thành phẩm	23.554.111.203	33.041.112.124
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.415.770	13.500.000
	99.599.103.762	127.050.461.961
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)</i>	12.122.985.333	3.655.549.882

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	213.837.307	335.002.346
Hàng bán bị trả lại	13.363.875	733.974.632
Giảm giá hàng bán	-	33.790.000
	227.201.182	1.102.766.978

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	72.488.927.985	90.024.062.750
Giá vốn của thành phẩm đã bán	16.463.106.496	23.306.878.982
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.641.484)	(10.479.646)
	88.929.392.997	113.320.462.086
Giá vốn đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)</i>	11.725.649.677	3.435.996.447

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	154.571.386	59.791.105
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	28.375.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	2.522.969
	154.571.386	90.689.074

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.594.936.650	1.075.458.852
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.450.504	48.938.006
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	307.141	8.293.984
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	-	377.186.460
	<u>1.608.694.295</u>	<u>1.509.877.302</u>
Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	<u>340.543.640</u>	<u>245.308.823</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	1.904.071.231	1.460.607.176
Chi phí nhân công	999.192.356	1.605.309.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	567.317.762	411.697.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	621.872.215	597.917.530
Chi phí khác bằng tiền	674.151.499	850.506.313
	<u>4.766.605.063</u>	<u>4.926.038.127</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.644.075	15.964.280
Chi phí nhân công	2.137.071.140	3.242.399.474
Chi phí dụng cụ đồ dùng	102.455.954	136.810.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.586.102	310.713.324
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	-	79.121.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	774.403.051	1.016.533.117
Chi phí khác bằng tiền	1.275.332.034	2.125.647.690
	<u>4.763.492.356</u>	<u>6.932.189.689</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(549.647.393)	(347.729.145)
Các khoản điều chỉnh tăng	10.406.989	183.607.822
- Chi phí không hợp lệ	10.406.989	183.607.822
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(28.375.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(28.375.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(539.240.404)	(192.496.323)
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</i>		
	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	300.637.438	(15.269.774)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(406.497.712)	(192.214.928)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(105.860.274)	(207.484.702)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(105.860.274)	(207.484.702)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(549.647.393)	(347.729.145)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(549.647.393)	(347.729.145)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.724.632	4.632.117
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(116)	(75)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.455.246.185	-	3.982.340.745	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.471.619.394	(2.264.955.714)	33.041.449.785	(2.264.955.714)
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	200.000.000	-	200.000.000	-
	40.126.865.579	(2.264.955.714)	42.223.790.530	(2.264.955.714)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			38.816.331.071	48.442.323.740
Phải trả người bán, phải trả khác			4.745.006.610	4.260.857.484
Chi phí phải trả			101.266.511	116.319.881
			43.662.604.192	52.819.501.105

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỠ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	200.000.000	200.000.000
	3.000.000.000	-	200.000.000	3.200.000.000
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	200.000.000	200.000.000
	5.000.000.000	-	200.000.000	5.200.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.455.246.185	-	-	2.455.246.185
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.206.663.680	-	-	32.206.663.680
	<u>34.661.909.865</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>34.661.909.865</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.982.340.745	-	-	3.982.340.745
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.776.494.071	-	-	30.776.494.071
	<u>34.758.834.816</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>34.758.834.816</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	38.816.331.071	-	-	38.816.331.071
Phải trả người bán, phải trả khác	4.745.006.610	-	-	4.745.006.610
Chi phí phải trả	101.266.511	-	-	101.266.511
	<u>43.662.604.192</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>43.662.604.192</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	48.442.323.740	-	-	48.442.323.740
Phải trả người bán, phải trả khác	4.260.857.484	-	-	4.260.857.484
Chi phí phải trả	116.319.881	-	-	116.319.881
	<u>52.819.501.105</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>52.819.501.105</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

**30 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU
CHUYỂN TIỀN TỆ**

a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Mua doanh nghiệp thông qua bù trừ công nợ	-	1.472.174.685

b) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	56.898.357.531	111.181.350.278

c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	66.524.350.200	74.661.029.237

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP APP 1 Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bắc Hương	Công ty liên kết, Cùng đại diện theo pháp luật
Hoàng Trung Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
		VND	VND
Bán hàng		12.122.985.333	3.655.549.882
Công ty CP APP 1 Thanh Hóa	Công ty liên kết	8.529.384.633	160.568.026
Công ty TNHH Bắc Hương	Công ty liên kết	3.593.600.700	3.494.981.856
Giá vốn		11.725.649.677	3.435.996.447
Công ty CP APP 1 Thanh Hóa	Công ty liên kết	8.256.262.272	86.631.460
Công ty TNHH Bắc Hương	Công ty liên kết	3.469.387.405	3.349.364.987
Vay ngắn hạn		3.034.971.390	3.886.336.786
Hoàng Trung Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.034.971.390	3.886.336.786
Chi phí lãi vay		340.543.640	245.308.823
Hoàng Trung Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	264.248.105	166.820.888
Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	76.295.535	78.487.935

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỠ**

Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú
Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm
2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thanh toán Lãi vay		321.035.462	245.308.823
Hoàng Trung Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	246.471.924	166.820.888
Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	74.563.538	78.487.935
Thanh toán Gốc vay		5.284.549.050	802.066.652
Hoàng Trung Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	5.284.549.050	802.066.652

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ:

	Mối quan hệ	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		1.967.839.110	1.583.329.051
Công ty CP APP 1 Thanh Hóa	Công ty liên kết	326.541.495	274.218.400
Công ty TNHH Bắc Hương	Công ty liên kết	1.641.297.615	1.309.110.651
Phải trả ngắn hạn khác		579.000.000	579.000.000
Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	579.000.000	579.000.000
Vay ngắn hạn		3.923.643.270	6.173.220.930
Hoàng Trung Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.818.938.867	4.068.516.527
Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	2.104.704.403	2.104.704.403

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	407.998.500	614.040.667
Thù lao của Hội đồng Quản trị	213.000.000	249.000.000

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá Việt Nam kiểm toán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đỗ Hồng Hạnh

Chu Xuân Thắng

Hoàng Trung Dũng

**CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 105 /APP-CV

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020

V/v: *Chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa
BCTC bán niên đã soát xét và BCTC tự lập
tại công ty.*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên công ty: Công ty Cổ phần phát triển phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ

Mã chứng khoán: APP

Địa chỉ: Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;

Theo báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020 của Công ty CP phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ đã được Soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO được lập ngày 15 tháng 08 năm 2020 bao gồm: BKĐKT, KQSXKD, LCTT, TMBCTC (đính kèm).

Công ty CP phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ giải trình biến động lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét và báo cáo tài chính giữa niên độ tự lập.

Chỉ tiêu	LNST tại BC tự lập	LNST tại BC soát xét	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(324.946.869)	(549.647.393)	(224.700.524)

Lý do: Lợi nhuận sau thuế có chênh lệch số tiền **224.700.524 đồng**, do một số chỉ tiêu như sau: Chi phí Quản lý, chi phí bán hàng, chi phí tài chính và hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho do đã trích lập dự phòng của Công ty nên bị ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính công ty.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu tác động đến lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- UBCN Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN PHỤ GIA
VÀ SẢN PHẨM
DẦU MỎ
H. GIA LÂM, TP. HÀ NỘI

Hoàng Trung Dũng